
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | 6 - 45 |
| <i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> | <i>6 - 9</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023</i> | <i>10</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2023</i> | <i>11 - 12</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023</i> | <i>13 - 43</i> |
| <i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i> | <i>44 - 45</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 16: 145.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023: 145.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 6 8 0 3

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 45).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Bà Dương Thị Lam | Chủ tịch |
| Bà Ngô Lan Hương | Thành viên |
| Bà Phan Thị Thu Hiền | Thành viên |
| Bà Phạm Diễm Hoa | Thành viên |
| Bà Trần Huệ Linh | Thành viên |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Thái Dũng | Giám đốc |
| Ông Chu Việt Cường | Phó Giám đốc |
| Bà Lê Thị Ngọc Diệp | Phó Giám đốc |
| Bà Đinh Thị Chuyên | Phó Giám đốc |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------------|
| Ông Đào Mạnh Hùng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 9/5/2023 |
| Bà Nguyễn Thu Hương | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 9/5/2023 |
| Ông Nguyễn Việt Hùng | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Việt Thắng | Thành viên | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Giám đốc



Nguyễn Thái Dũng

Số : 2212.02.03/2023/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội, được lập ngày 11 tháng 04 năm 2024 từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán Hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Qua rà soát báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Bắc Qua (Công ty con của Công ty) chúng tôi không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta bao gồm Công nợ phải trả người bán với giá trị 9.773.253.570 đồng và khoản chi phí phải trả dài hạn là lãi chậm trả với số tiền 8.919.671.660 đồng do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể xác định các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên tới các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ với nội dung. Kiểm toán viên của Công ty TNHH PKF Việt Nam không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta bao gồm Công nợ phải trả người bán với giá trị 19.773.253.570 đồng và khoản chi phí phải trả dài hạn là lãi chậm trả với số tiền 8.919.671.660 đồng do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó, Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam không thể xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này tới các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 của Công ty.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo Kiểm toán số 2212.02.02/2023/BCTC-NTV2 ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2023-124-1

Nguyễn Thị Tuyết

GCNDKHNKT số: 1475-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 64.239.399.268 | 131.245.637.477 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 10.485.496.693 | 45.842.247.752 |
| 1. Tiền | 111 | | 5.485.496.693 | 5.842.247.752 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 5.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 38.200.000.000 | 56.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 38.200.000.000 | 56.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.436.910.078 | 13.263.777.013 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 3.764.661.698 | 5.024.890.483 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 3.826.503.020 | 1.285.723.710 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 18.650.280.863 | 17.028.971.060 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (23.304.535.503) | (14.575.808.240) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.916.283.006 | 13.345.049.906 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 1.916.283.006 | 13.345.049.906 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.200.709.491 | 2.794.562.806 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 66.295.969 | 251.958.836 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 5.210.998.384 | 705.593.955 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 923.415.138 | 1.837.010.015 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 158.561.076.200 | 120.840.305.593 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 290.030.959 | 201.854.959 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | 190.000.000 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 290.030.959 | 11.854.959 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 50.942.446.464 | 55.602.177.949 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 50.942.446.464 | 55.602.177.949 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 131.643.797.318 | 131.916.012.703 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (80.701.350.854) | (76.313.834.754) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 227.000.000 | 227.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (227.000.000) | (227.000.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 94.728.105.600 | 61.489.582.072 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 94.728.105.600 | 61.489.582.072 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 2.836.574.679 | 2.902.742.178 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 2.063.965.795 | 2.118.114.813 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 1.173.049.254 | 1.173.049.254 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (400.440.370) | (388.421.889) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 9.763.918.498 | 643.948.435 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 9.763.918.498 | 643.948.435 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 222.800.475.468 | 252.085.943.070 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 88.655.547.704 | 97.247.134.873 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 65.093.373.986 | 65.104.471.355 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13a | 2.238.166.738 | 4.455.922.890 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 15.334.117 | 48.382.083 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 9.462.485.084 | 771.862.225 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.177.851.763 | 956.390.129 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16a | 164.532.040 | 39.055.109 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.17 | 1.380.139.939 | 1.381.508.435 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 8.682.626.743 | 4.057.284.738 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19 | 41.812.200.000 | 53.234.028.184 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 160.037.562 | 160.037.562 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 23.562.173.718 | 32.142.663.518 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.13b | 9.773.253.570 | 19.773.253.570 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | V.16b | 8.919.671.660 | 8.919.671.660 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 4.869.248.488 | 3.449.738.288 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 134.144.927.764 | 154.838.808.197 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 134.144.927.764 | 154.838.808.197 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 145.000.000.000 | 145.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 145.000.000.000 | 145.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 285.291.856 | 285.291.856 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | (466.433.001) | (466.433.001) |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 784.749.635 | 784.749.635 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (72.407.466.168) | (53.645.268.835) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (53.768.389.449) | (45.672.805.650) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (18.639.076.719) | (7.972.463.186) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 60.948.785.442 | 62.880.468.542 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 222.800.475.468 | 252.085.943.070 |

Người lập biểu



Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hồng

Lập, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Giám đốc




Nguyễn Thái Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 85.993.678.028 | 113.188.063.206 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 99.674.871 | 205.981.335 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 85.894.003.157 | 112.982.081.871 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 61.810.401.934 | 83.812.106.073 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 24.083.601.223 | 29.169.975.798 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 4.733.905.346 | 5.000.287.453 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 4.970.640.233 | 6.107.298.867 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 4.958.621.752 | 5.944.721.530 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | (54.149.018) | (1.857.523.586) |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 7.039.950.783 | 8.460.469.471 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 36.820.488.590 | 26.868.664.955 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (20.067.722.055) | (9.123.693.628) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 213.230.480 | 479.950.951 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 300.069.352 | 247.227.026 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (86.838.872) | 232.723.925 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (20.154.560.927) | (8.890.969.703) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 416.198.892 | 306.143.488 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (20.570.759.819) | (9.197.113.191) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | (18.639.076.719) | (7.972.463.186) |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (1.931.683.100) | (1.224.650.005) |
| 21. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | (1.285) | (550) |

Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hồng

Lập ngày 11 tháng 04 năm 2024



Giám đốc

Nguyễn Thái Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (20.154.560.927) | (8.890.969.703) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 4.659.731.485 | 5.116.294.304 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 8.740.745.744 | 794.646.559 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (4.736.929.739) | (3.192.763.867) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 4.958.621.752 | 5.944.721.530 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (6.532.391.685) | (228.071.177) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 10.217.942.746 | (413.711.981) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 11.428.766.900 | 12.767.782.768 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (2.029.948.388) | 34.825.058.307 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (8.934.307.196) | 2.625.260.090 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (359.279.747) | (2.076.233.875) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (278.472.108) | (359.214.806) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 3.512.310.522 | 47.140.869.326 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (50.675.663.078) | (6.390.497.761) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 65.010.000 | 50.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (61.200.000.000) | (77.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 79.000.000.000 | 57.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 5.363.419.681 | 3.323.769.474 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (27.447.233.397) | (23.016.728.287) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước |
|--|-------------------|---------------------------|-----------------------|-----------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 3.933.163.095 | 70.535.263.924 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (15.354.991.279) | (53.641.309.214) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (3.826.838) | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(11.421.828.184)</i> | <i>16.890.127.872</i> | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (35.356.751.059) | 41.014.268.911 | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 45.842.247.752 | 4.827.978.841 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 10.485.496.693 | 45.842.247.752 | |

Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hồng

Lập ngày 11 tháng 04 năm 2024



Giám đốc

Nguyễn Thái Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Khái quát về công ty:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 16: 145.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023: 145.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0100106803

3. Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm.

4. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn các sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim sơn trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện dân dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách và nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các Công ty con được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Hoạt động chính</i> | <i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i> | <i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i> |
|--|--|--|------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua | Số 19 Phố Hàng Khoai, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Xây dựng nhà không dề ở Chi tiết: Đầu tư, xây dựng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng | 54,04% | 54,04% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên | Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Kinh doanh thương mại dịch vụ | 51,00% | 51,00% |

Các Công ty con đang hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Hoạt động chính</i> | <i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i> | <i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i> |
|---|---|--|------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm | KCN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất thực phẩm | 37,04% | 37,04% |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội | Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 27,59% | 27,59% |

Các Công ty liên kết đang hoạt động bình thường.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**

Số liệu BCTC năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2022.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính doanh nghiệp có 60 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 49 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 08 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp là:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi Cổ phần hóa doanh Nghiệp Nhà nước được phân bổ vào chi phí với thời gian 10 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển... các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng; tiền thuê đất...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 216.232.536 | 78.318.495 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.269.264.157 | 5.763.929.257 |
| Các khoản tương đương tiền | 5.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> | <i>5.000.000.000</i> | <i>40.000.000.000</i> |
| Cộng | <u>10.485.496.693</u> | <u>45.842.247.752</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 38.200.000.000 | 38.200.000.000 | 56.000.000.000 | 56.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | 12.200.000.000 | 12.200.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 26.000.000.000 | 26.000.000.000 | 46.000.000.000 | 46.000.000.000 |
| Cộng | 38.200.000.000 | 38.200.000.000 | 56.000.000.000 | 56.000.000.000 |

b) Đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư vào công ty liên kết**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---|-----------------------|---|
| | Giá gốc | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá gốc | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1) | 17.500.000.000 | 1.744.264.744 | 17.500.000.000 | 1.821.256.320 |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội (2) | 400.000.000 | 319.701.051 | 400.000.000 | 296.858.493 |
| Cộng | 17.900.000.000 | 2.063.965.795 | 17.900.000.000 | 2.118.114.813 |

(1) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm thành lập và đăng ký lần đầu ngày 17/01/2007, người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Duy Hiền, vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 là 47.250.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 17.500.000.000 VND, tương đương 37,04% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc, gia cầm là Sản xuất thực phẩm.

Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Giá gốc khoản đầu tư | 17.500.000.000 | 17.500.000.000 |
| Tỷ lệ sở hữu | 37,04% | 37,04% |
| Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu | (15.755.735.256) | (15.678.743.680) |
| Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính | 1.744.264.744 | 1.821.256.320 |

(2) Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội thành lập và đăng ký lần đầu ngày 23/03/2013, người đại diện theo pháp luật là Bà Vũ Thị Thu Hương, vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 là 1.450.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 400.000.000 VND, tương đương 27,59% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội là Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Giá gốc khoản đầu tư | 400.000.000 | 400.000.000 |
| Tỷ lệ sở hữu | 27,59% | 27,59% |
| Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu | (80.298.949) | (103.141.507) |
| Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính | 319.701.051 | 296.858.493 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang | 100.000.000 | - | 100.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Thực phẩm Hà Nội | 1.073.049.254 | (400.440.370) | 1.073.049.254 | (388.421.889) |
| Cộng | 1.173.049.254 | (400.440.370) | 1.173.049.254 | (388.421.889) |

Tình hình biến động dự phòng đầu tư như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | (388.421.889) | (388.421.889) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (12.018.481) | - |
| Số cuối năm | (400.440.370) | (388.421.889) |

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 3.764.661.698 | 5.024.890.483 |
| Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương | 842.670.752 | 842.670.752 |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác 29 | 806.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu và Bán lẻ Hàng tiêu dùng Hà Nội | 515.033.560 | 762.930.134 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Quốc Tế | 287.301.547 | 287.301.547 |
| Công ty Cổ phần Kids Plaza | - | 823.135.113 |
| Các khách hàng khác | 1.313.655.839 | 2.308.852.937 |
| Cộng | 3.764.661.698 | 5.024.890.483 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 312.692.923 | 312.692.923 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm | 312.692.923 | 312.692.923 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 3.513.810.097 | 973.030.787 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO | 240.712.571 | 267.113.916 |
| Molika | 245.757.313 | 245.757.313 |
| Công ty TNHH Kone Việt Nam | 1.119.800.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội | 1.114.304.356 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 793.235.857 | 460.159.558 |
| Cộng | 3.826.503.020 | 1.285.723.710 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1) | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) |
| Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội (2) | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) |
| Cộng | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) |

(1) Phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Theo Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012, số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 15%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Phụ lục số 06-17/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014 và phụ lục số 07-17/PLHĐTD ngày 02/01/2015 gia hạn thời gian cho vay đến 30/06/2015.

- Theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền cho vay: 1.500.000.000 VND, thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 01-55/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014.

(2) Theo hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/06/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội, số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 13%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 04-60/PLHĐVV-PTST sửa đổi lãi suất thành 9%/năm và gia hạn thời gian cho vay đến 31/12/2015.

6. Phải thu khác**a, Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 4.702.506.946 | (4.702.506.946) | 4.223.444.446 | (6.964.266.679) |
| Lãi cho vay Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm | 4.702.506.946 | (4.702.506.946) | 4.223.444.446 | (4.223.444.446) |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 13.947.773.917 | (11.429.022.065) | 12.805.526.614 | (3.212.092.402) |
| Tạm ứng | 10.173.776.111 | (8.125.679.663) | 7.773.259.583 | - |
| Các khoản phải thu khác | 3.773.997.806 | (3.303.342.402) | 5.032.267.031 | (3.212.092.402) |
| Lãi cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội | 782.804.555 | (782.804.555) | 691.554.555 | (691.554.555) |
| Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm ngân hàng | 439.945.205 | - | 1.641.698.629 | - |
| Ông Nguyễn Quốc Hùng (*) | 2.260.864.514 | (2.260.864.514) | 2.260.864.514 | (2.260.864.514) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 290.383.532 | (259.673.333) | 438.149.333 | (259.673.333) |
| Cộng | 18.650.280.863 | (16.131.529.011) | 17.028.971.060 | (10.176.359.081) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội.

b, Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Ký cược, ký quỹ | 111.854.959 | 11.854.959 |
| Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta | 178.176.000 | - |
| Cộng | <u>290.030.959</u> | <u>11.854.959</u> |

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

| | <u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u> | <u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------|--|---|--------------------------------|
| Số đầu năm | (14.575.808.240) | - | (14.575.808.240) |
| Trích lập dự phòng | (8.728.727.263) | - | (8.728.727.263) |
| Số cuối năm | <u>(23.304.535.503)</u> | <u>-</u> | <u>(23.304.535.503)</u> |

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

8. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 24.375.004 | - | 24.375.004 | - |
| Hàng hóa | 1.891.908.002 | - | 13.320.235.790 | - |
| Hàng gửi đi bán | - | - | 439.112 | - |
| Cộng | <u>1.916.283.006</u> | <u>-</u> | <u>13.345.049.906</u> | <u>-</u> |

9. Chi phí trả trước**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 46.918.153 | 250.322.472 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 19.377.816 | 1.636.364 |
| Cộng | <u>66.295.969</u> | <u>251.958.836</u> |

b, Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 41.416.606 | 103.802.576 |
| Lợi thế kinh doanh (*) | 137.824.972 | 241.193.728 |
| Chi phí thuê đất đóng bổ sung theo thông báo số 01.2023GH-HK/10422/TB-CCT-TBTK | 9.381.039.462 | - |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 203.637.458 | 298.952.131 |
| Cộng | <u>9.763.918.498</u> | <u>643.948.435</u> |

(*) Là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|---------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 121.547.685.208 | 4.203.350.602 | 4.501.558.167 | 1.663.418.726 | 131.916.012.703 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (220.277.865) | - | (51.937.520) | (272.215.385) |
| Số cuối năm | 121.547.685.208 | 3.983.072.737 | 4.501.558.167 | 1.611.481.206 | 131.643.797.318 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 12.350.824.271 | 2.658.250.010 | 4.192.599.985 | 1.501.307.206 | 20.702.981.472 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 66.719.980.576 | 3.551.658.659 | 4.405.008.713 | 1.637.186.806 | 76.313.834.754 |
| Khấu hao trong năm | 4.445.301.940 | 160.070.637 | 38.619.768 | 15.739.140 | 4.659.731.485 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (220.277.865) | - | (51.937.520) | (272.215.385) |
| Số cuối năm | 71.165.282.516 | 3.491.451.431 | 4.443.628.481 | 1.600.988.426 | 80.701.350.854 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 54.827.704.632 | 651.691.943 | 96.549.454 | 26.231.920 | 55.602.177.949 |
| Số cuối năm | 50.382.402.692 | 491.621.306 | 57.929.686 | 10.492.780 | 50.942.446.464 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính.

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 227.000.000 VND.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 61.489.582.072 | 33.238.523.528 | - | 94.728.105.600 |
| <i>Dự án: "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (1)</i> | 1.239.269.981 | - | - | 1.239.269.981 |
| <i>Dự án: "Trung tâm thương mại và Dịch vụ Cửu Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đống Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội (2)</i> | 2.068.594.048 | - | - | 2.068.594.048 |
| <i>Công trình Siêu thị Thương mại dịch vụ Bắc Qua (3)</i> | 54.094.018.248 | 33.238.523.528 | - | 87.332.541.776 |
| <i>Tòa nhà thương mại HFC - Làng Yên</i> | 4.087.699.795 | - | - | 4.087.699.795 |
| Cộng | 61.489.582.072 | 33.238.523.528 | - | 94.728.105.600 |

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 629/2009/HANOIFOOD-COTANA ngày 02/11/2009 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana) gọi là bên (B). Mục đích của hợp đồng là Hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng khu đất tại ngõ 459 Bạch Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, thực hiện dự án đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tư xây dựng tòa nhà chung cư trên khu đất này với quy mô xây dựng dự kiến: Tổng diện tích khu đất 2.085,9 m²; mật độ xây dựng 50%; đất xây dựng tòa nhà chung cư 25 tầng với 1.000 m²; diện tích xây dựng sân vườn, đường nội bộ 1.085,9 m².

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 103/HĐKTKD ngày 13/09/2010 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) do Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta làm đại diện gọi là bên (B). Lô đất là phần diện tích đất tại 253 Phố Vọng - Hai Bà Trưng - Hà Nội có diện tích 3.255,7 m², diện tích thực tế được xác định theo biên bản bàn giao đất. Mục đích của hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng triển khai thực hiện Dự án, khai thác kinh doanh mặt bằng dự án sau đầu tư và phân chia lợi nhuận từ hoạt động trên khu đất trên. Sản phẩm của hợp đồng này là diện tích tính theo m² của căn hộ, văn phòng và các phần diện tích hữu ích khác trong phạm vi lô đất, các dịch vụ sinh lời có thể phát sinh theo thời gian.

(3) Dự án đầu tư Siêu thị Thương mại Bắc Qua được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000877 ngày 06/10/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội tới thời điểm 31/12/2023, dự án mới chỉ thi công hoàn thiện phần tường dẫn, tường vây, cọc khoan nhồi đại trà.

13. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>2.238.166.738</i> | <i>2.238.166.738</i> | <i>4.455.922.890</i> | <i>4.455.922.890</i> |
| Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà | - | - | 441.380.540 | 441.380.540 |
| Hộ kinh doanh giò chả bà Vân | 632.273.460 | 632.273.460 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.605.893.278 | 1.605.893.278 | 4.014.542.350 | 4.014.542.350 |
| Cộng | <u>2.238.166.738</u> | <u>2.238.166.738</u> | <u>4.455.922.890</u> | <u>4.455.922.890</u> |

b) Phải trả người bán dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>9.773.253.570</i> | <i>9.773.253.570</i> | <i>19.773.253.570</i> | <i>19.773.253.570</i> |
| Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Delta | 9.773.253.570 | 9.773.253.570 | 19.773.253.570 | 19.773.253.570 |
| Cộng | <u>9.773.253.570</u> | <u>9.773.253.570</u> | <u>19.773.253.570</u> | <u>19.773.253.570</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>15.334.117</i> | <i>48.382.083</i> |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce | 8.623.855 | 8.623.855 |
| Công ty Cổ phần Veetex | - | 13.047.983 |
| CN Công ty TNHH MTV Hội nhập phát triển Đông Hưng | 5.378.734 | 5.378.734 |
| Các khách hàng khác | 1.331.528 | 21.331.511 |
| Cộng | 15.334.117 | 48.382.083 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 314.971.451 | - | 3.482.719.772 | (3.460.329.334) | 337.361.889 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 65.893.488 | 1.121.095 | 448.777.512 | (278.472.108) | 236.198.892 | 1.121.095 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 51.540.117 | - | 394.446.071 | (371.959.238) | 74.026.950 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 1.835.888.920 | 26.654.248.672 | (17.263.831.104) | 8.476.822.691 | 922.294.043 |
| Các loại thuế khác | 339.457.169 | - | 40.068.334 | (41.450.841) | 338.074.662 | - |
| Cộng | 771.862.225 | 1.837.010.015 | 31.020.260.361 | (21.416.042.625) | 9.462.485.084 | 923.415.138 |

Thuế phải thu được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%, 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả****a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|--------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>164.532.040</i> | <i>39.055.109</i> |
| Chi phí trích trước tiền điện nước phải trả | 44.532.040 | 39.055.109 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 120.000.000 | - |
| Cộng | <u>164.532.040</u> | <u>39.055.109</u> |

b) Chi phí phải trả dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>8.919.671.660</i> | <i>8.919.671.660</i> |
| Lãi chậm trả Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta | 8.919.671.660 | 8.919.671.660 |
| Cộng | <u>8.919.671.660</u> | <u>8.919.671.660</u> |

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định | 1.380.139.939 | 1.381.508.435 |
| Cộng | <u>1.380.139.939</u> | <u>1,381,508,435</u> |

18. Phải trả khác**a, Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>8.467.829.660</i> | <i>3.868.487.655</i> |
| Lãi vay phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP | 8.467.829.660 | 3.868.487.655 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>214.797.083</i> | <i>188.797.083</i> |
| Cổ tức phải trả | 20.470.300 | 20.470.300 |
| Phải trả thù lao HĐQT, BKS | 173.500.000 | 157.500.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 20.826.783 | 10.826.783 |
| Cộng | <u>8.682.626.743</u> | <u>4.057.284.738</u> |

b, Các khoản phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>158.917.500</i> | <i>144.100.000</i> |
| Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội - Tiền ký quỹ | 158.917.500 | 144.100.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>4.710.330.988</i> | <i>3.305.638.288</i> |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 4.710.330.988 | 3.305.638.288 |
| Cộng | <u>4.869.248.488</u> | <u>3.449.738.288</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | | | | |
| Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP (*) | 41.812.200.000 | 41.812.200.000 | 41.812.200.000 | 41.812.200.000 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | - | - | 11.421.828.184 | 11.421.828.184 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Hà Nội | - | - | 10.475.186.184 | 10.475.186.184 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | 946.642.000 | 946.642.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà | - | - | 946.642.000 | 946.642.000 |
| Cộng | 41.812.200.000 | 41.812.200.000 | 53.234.028.184 | 53.234.028.184 |

(*) Khoản vay Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM ngày 28/2/2022 và Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM-PL07 ngày 28/11/2023; số tiền vay là 41.812.200.000 VND; mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay 11%/năm. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, được gia hạn đến ngày 28/02/2024 theo Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM-PL07 ngày 28/11/2023.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 10.475.186.184 | 3.933.163.095 | (14.408.349.279) | - |
| Vay ngắn hạn tổ chức khác là bên liên quan | 41.812.200.000 | - | - | 41.812.200.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 946.642.000 | - | (946.642.000) | - |
| Cộng | 53.234.028.184 | 3.933.163.095 | (15.354.991.279) | 41.812.200.000 |

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích Cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| | | | | | | | |
| Số đầu năm trước | 145.000.000.000 | 285.291.856 | (466.433.001) | 784.749.635 | (45.449.113.918) | 28.215.206.815 | 128.369.701.387 |
| Tăng vốn tại công ty con | - | - | - | - | - | 35.666.220.000 | 35.666.220.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | (7.972.463.186) | (1.224.650.005) | (9.197.113.191) |
| Tặng/ giảm khác | - | - | - | - | (223.691.731) | 223.691.731 | - |
| Số dư cuối năm trước | 145.000.000.000 | 285.291.856 | (466.433.001) | 784.749.635 | (53.645.268.835) | 62.880.468.542 | 154.838.808.197 |
| Số dư đầu năm nay | 145.000.000.000 | 285.291.856 | (466.433.001) | 784.749.635 | (53.645.268.835) | 62.880.468.542 | 154.838.808.197 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | (18.639.076.719) | (1.931.683.100) | (20.570.759.819) |
| Giảm khác (*) | - | - | - | - | (123.120.614) | - | (123.120.614) |
| Số dư cuối năm nay | 145.000.000.000 | 285.291.856 | (466.433.001) | 784.749.635 | (72.407.466.168) | 60.948.785.442 | 134.144.927.764 |

(*) Tiền thuế bị truy thu các năm trước theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn số 2696/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 18/01/2023, tổng số tiền 123.120.614 VND.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|--|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần | 28.995.500.000 | 20,00% | 28.995.500.000 | 20,00% |
| CTCP Chứng khoán Phố Wall | 27.204.000.000 | 18,76% | 27.204.000.000 | 18,76% |
| Các cổ đông khác | 88.800.500.000 | 61,24% | 88.800.500.000 | 61,24% |
| Cộng | 145.000.000.000 | 100,00% | 145.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**c, Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 14.500.000 | 14.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 14.500.000 | 14.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 14.500.000 | 14.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 14.500.000 | 14.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 14.500.000 | 14.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 50.139.083.379 | 82.706.053.585 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 35.854.594.649 | 30.482.009.621 |
| Cộng | <u>85.993.678.028</u> | <u>113.188.063.206</u> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|--------------------------|---------------------------|
| Chiết khấu thương mại | - | 27.953.704 |
| Hàng bán bị trả lại | 99.674.871 | 24.345.948 |
| Giảm giá hàng bán | - | 153.681.683 |
| Cộng | <u>99.674.871</u> | <u>205.981.335</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 53.903.873.403 | 74.560.667.122 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 7.906.528.531 | 9.251.438.951 |
| Cộng | <u>61.810.401.934</u> | <u>83.812.106.073</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.731.978.757 | 5.000.287.453 |
| Chiết khấu thanh toán | 1.926.589 | - |
| Cộng | <u>4.733.905.346</u> | <u>5.000.287.453</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 4.958.621.752 | 5.944.721.530 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư | 12.018.481 | - |
| Chiết khấu thanh toán, lãi mua bán hàng trả chậm | - | 162.577.337 |
| Cộng | <u>4.970.640.233</u> | <u>6.107.298.867</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.177.975.286 | 4.025.329.187 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | - | 690.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 38.619.768 | 298.200.334 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.407.960.808 | 1.540.967.841 |
| Các chi phí khác | 2.415.394.921 | 2.595.282.109 |
| Cộng | <u>7.039.950.783</u> | <u>8.460.469.471</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.535.234.746 | 6.341.518.698 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 44.798.524 | 37.158.266 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 843.730.005 | 1.026.897.682 |
| Thuế, phí và lệ phí | 17.316.473.976 | 15.376.646.420 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 8.728.727.263 | 794.646.559 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.096.094.892 | 1.136.204.511 |
| Các chi phí khác | 2.255.429.184 | 2.155.592.819 |
| Cộng | <u>36.820.488.590</u> | <u>26.868.664.955</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 59.100.000 | 50.000.000 |
| Thu nhập khác | 154.130.480 | 429.950.951 |
| Cộng | <u>213.230.480</u> | <u>479.950.951</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|---------------------------|---------------------------|
| Các khoản bị phạt | 150.875.934 | 8.532.598 |
| Chi phí khác | 149.193.418 | 238.694.428 |
| Cộng | <u>300.069.352</u> | <u>247.227.026</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (20.154.560.927) | (8.890.969.703) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 22.235.555.385 | 10.421.687.142 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 25.388.582.279 | 12.607.847.050 |
| <i>Chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau</i> | 4.291.386.342 | 4.891.898.543 |
| <i>Thu lao HDQT không trực tiếp điều hành</i> | 338.380.952 | 321.000.000 |
| <i>Các khoản bị phạt</i> | 150.875.934 | 8.500.000 |
| <i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi các khoản tạm ứng</i> | 8.125.679.663 | - |
| <i>Lỗ Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội quyết toán riêng</i> | 6.649.746.476 | 1.340.226.572 |
| <i>Lỗ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua quyết toán riêng</i> | 5.577.412.669 | 3.606.709.272 |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i> | 255.100.243 | 2.439.512.663 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (3.153.026.894) | (2.186.159.908) |
| <i>Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất</i> | (3.153.026.894) | (2.186.159.908) |
| Thu nhập chịu thuế | 2.080.994.458 | 1.530.717.439 |
| Thu nhập tính thuế | 2.080.994.458 | 1.530.717.439 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 416.198.892 | 306.143.488 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 416.198.892 | 306.143.488 |

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (18.639.076.719) | (7.972.463.186) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (18.639.076.719) | (7.972.463.186) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 14.500.000 | 14.500.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (1.285) | (550) |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 14.500.000 | 14.500.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 14.500.000 | 14.500.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 37.848.266 |
| Chi phí nhân công | 9.822.853.391 | 10.366.847.885 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.659.731.485 | 5.116.294.304 |
| Chi phí dự phòng | 8.728.727.263 | 794.646.559 |
| Thuế, phí, lệ phí | 17.316.473.976 | 15.376.646.420 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.564.591.920 | 2.677.172.352 |
| Chi phí khác | 4.674.589.869 | 5.180.684.700 |
| Cộng | <u>51.766.967.904</u> | <u>39.550.140.486</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Bà Dương Thị Lam | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Bà Ngô Lan Hương | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Phan Thị Thu Hiền | 36.000.000 | 21.000.000 |
| Bà Phạm Diễm Hoa | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Trần Huệ Linh | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Nguyễn Thu Hương | 8.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Đào Mạnh Hùng | 16.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Việt Hùng | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Nguyễn Việt Thắng | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Nguyễn Thái Dũng | 637.037.211 | 496.107.575 |
| Ông Chu Việt Cường | 328.387.498 | 322.967.217 |
| Bà Lê Thị Ngọc Diệp | 238.748.187 | 243.812.688 |
| Bà Đinh Thị Chuyên | 27.722.917 | 196.513.446 |
| Tổng cộng | <u>1.483.895.813</u> | <u>1.496.400.926</u> |

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch và có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|--------------------|
| Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội | Công ty liên kết |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP | | |
| Vay tiền | - | 41.812.200.000 |
| Lãi tiền vay phải trả | 4.599.342.005 | - |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm | | |
| Lãi cho vay phải thu | 479.062.500 | 479.062.500 |
| Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội | | |
| Tiền thuê mặt bằng | 620.535.000 | 479.766.820 |
| Thu tiền thuê mặt bằng | 620.535.000 | 479.766.820 |
| Thu tiền đặt cọc bổ sung | 14.817.500 | - |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.5; V.6; V.13; V.16; V.18; V.19/.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

a. Thông tin khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các hoạt động kinh doanh chính sau:

- Hoạt động thương mại;
- Hoạt động dịch vụ;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực kinh doanh thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Cộng |
|---|--------------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 50.039.408.508 | 35.854.594.649 | 85.894.003.157 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 50.039.408.508 | 35.854.594.649 | 85.894.003.157 |
| Chi phí bộ phận | (53.903.873.403) | (7.906.528.531) | (61.810.401.934) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (3.864.464.895) | 27.948.066.118 | 24.083.601.223 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (43.860.439.373) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | (19.776.838.150) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 4.733.905.346 |
| Chi phí tài chính | | | (4.970.640.233) |
| Thu nhập khác | | | 213.230.480 |
| Chi phí khác | | | (300.069.352) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết | | | (54.149.018) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (416.198.892) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | (20.570.759.819) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 42.765.631.190 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | 5.066.869.084 |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 41.812.200.000 | - | - | 41.812.200.000 |
| Phải trả người bán | 2.238.166.738 | 9.773.253.570 | - | 12.011.420.308 |
| Các khoản phải trả khác | 10.025.010.546 | 13.788.920.148 | - | 23.813.930.694 |
| Cộng | 54.075.377.284 | 23.562.173.718 | - | 77.637.551.002 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 53.234.028.184 | - | - | 53.234.028.184 |
| Phải trả người bán | 4.455.922.890 | 19.773.253.570 | - | 24.229.176.460 |
| Các khoản phải trả khác | 5.052.729.976 | 12.369.409.948 | - | 17.422.139.924 |
| Cộng | 62.742.681.050 | 32.142.663.518 | - | 94.885.344.568 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.485.496.693 | 45.842.247.752 | 10.485.496.693 | 45.842.247.752 |
| Phải thu khách hàng | 2.184.279.501 | 3.477.243.386 | 2.184.279.501 | 3.477.243.386 |
| Các khoản phải thu khác | 4.567.960.578 | 11.364.466.938 | 4.567.960.578 | 11.364.466.938 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 2.836.574.679 | 2.902.742.178 | 2.836.574.679 | 2.902.742.178 |
| Cộng | 58.274.311.451 | 119.586.700.254 | 58.274.311.451 | 119.586.700.254 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 41.812.200.000 | 53.234.028.184 | 41.812.200.000 | 53.234.028.184 |
| Phải trả người bán | 12.011.420.308 | 24.229.176.460 | 12.011.420.308 | 24.229.176.460 |
| Các khoản phải trả khác | 23.813.930.694 | 17.422.139.924 | 23.813.930.694 | 17.422.139.924 |
| Cộng | 77.637.551.002 | 94.885.344.568 | 77.637.551.002 | 94.885.344.568 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hồng

Lập ngày 11 tháng 04 năm 2024

Giám đốc



Nguyễn Thái Dũng

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duyệt, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------|------------------|-------------------|-----------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | | | | |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 1.806.516.256 | (1.804.716.256) | 1.771.981.156 | (1.771.981.156) |
| <i>Công ty TNHH du lịch và thương mại Châu Á Thái Bình Dương</i> | 842.670.752 | (842.670.752) | 842.670.752 | (842.670.752) |
| <i>Công ty Cổ phần nhà hàng Quốc Tế</i> | 287.301.547 | (287.301.547) | 287.301.547 | (287.301.547) |
| <i>Các đối tượng khác</i> | 6.000.000 | (4.200.000) | - | - |
| <i>Các đối tượng khác</i> | 670.543.957 | (670.543.957) | 642.008.857 | (642.008.857) |
| Trả trước cho người bán | | | | |
| Các bên liên quan | 868.290.236 | (868.290.236) | 868.290.236 | (868.290.236) |
| <i>Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm</i> | 312.692.923 | (312.692.923) | 312.692.923 | (312.692.923) |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 312.692.923 | (312.692.923) | 312.692.923 | (312.692.923) |
| Các khoản cho vay | | | | |
| Các bên liên quan | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) |
| <i>Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm</i> | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) | 3.500.000.000 | (3.500.000.000) |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội</i> | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) |
| Các khoản phải thu khác | | | | |
| Các bên liên quan | 16.131.529.011 | (16.131.529.011) | 7.435.536.848 | (7.435.536.848) |
| <i>Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm</i> | 4.702.506.946 | (4.702.506.946) | 4.223.444.446 | (4.223.444.446) |
| <i>Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm</i> | 4.702.506.946 | (4.702.506.946) | 4.223.444.446 | (4.223.444.446) |

(Handwritten signature/initials)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| <i>Tạm ứng</i> | | | | |
| <i>Ông Nguyễn Quốc Hưng</i> | Khó có khả năng thu hồi | 11.429.022,065 | Khó có khả năng thu hồi | 3.212.092,402 |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội</i> | Khó có khả năng thu hồi | 8.125.679,663 | Khó có khả năng thu hồi | - |
| <i>Các đối tượng khác</i> | Khó có khả năng thu hồi | 2.260.864,514 | Khó có khả năng thu hồi | 2.260.864,514 |
| Cộng | Khó có khả năng thu hồi | 782.804,555 | Khó có khả năng thu hồi | 691.554,555 |
| | | 259.673,333 | Khó có khả năng thu hồi | 259.673,333 |
| | | 23.306.335,503 | | 14.575.808,240 |
| | | (23.304.535,503) | | (14.575.808,240) |

